

Số: 2916/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thủy điện To Buông, khai thác nguồn nước mặt cho công trình thủy điện To Buông



BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 901/GP-BTNMT ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thủy điện To Buông và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần thủy điện To Buông (có địa chỉ tại Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 901/GP-BTNMT ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: thủy điện To Buông.
2. Mục đích sử dụng nước của công trình: phát điện.
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện (điện lượng trung bình hằng năm E_0 là 32,34 triệu kWh).
4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với mục đích khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện là: 1.135,41 đồng/kWh.
5. Tổng số tiền phải nộp (từ năm 2017 đến năm 2026): **3.169.920.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (năm 2017) là: 122.730.000 đồng.

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo là: 367.192.000 đồng.
- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (năm 2026) là: 109.654.000 đồng.

6. Phương án nộp tiền: nộp theo năm.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Sơn La.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh Sơn La có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Công ty Cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017, thì Công ty phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Sơn La và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện To Buông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Sơn La;
- Sở TN&MT Sơn La;
- Tổng Cục Thuế;
- Lưu: VT, VP, TNN, HSCP.

(Chữ ký)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc